

Bản án số: **39/2021/DS-ST**
Ngày: 25/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Khuất Thị Phương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bích Hợp

Ông Phùng Tiến Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi Nga - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa :

Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 25/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/TLST-DS ngày 05/1/2021 về việc kiện ‘Đòi tài sản’. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/QĐXX - DS ngày 02/11/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1942

HKTT: Số 10 ngõ 77 phường M, quận H, Hà Nội.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1957

HKTT: 55 H, H, Hà Nội. (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/10/2021)

- Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Hải Y, sinh năm 1972

2/ Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1971

HKTT: Số 42 phố T, phường P, quận H, Hà Nội.

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1974

HKTT: Số 1 lô 3 T, phường T, quận H, Hà Nội.

(Hợp đồng ủy quyền ngày 29/4/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày : Bà quen biết vợ chồng chị Y, anh H qua bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị Y), vì bà T là hàng xóm sống cùng ngõ với bà T, biết bà T có tiền tiết kiệm nên chị Y anh H đã hỏi vay, vì chỗ quen biết tin tưởng nên bà T đồng ý. Ngày 21/9/2014 bà T cho chị Y, anh H vay 2.200.000.000 đồng, thời hạn trả sau 1 năm. Để tạo niềm tin, vợ chồng chị Y, anh H có giao cho bà T cầm giữ sổ đỏ căn hộ tại địa chỉ 120 nhà A, khu TT B, phố L, phường Đ, quận H của anh chị. Lãi suất vay chị Y anh H là người đưa ra mức lãi suất. Vì chị Y, anh H vẫn trả lãi đầy đủ nên hết hạn vay bà T vẫn cho anh chị vay tiếp, trong 2 năm đầu, chị Y, anh H trả lãi là 35.000.000 đồng/tháng, sau đó khoảng tháng 6/2016 chị Y có nói do khó khăn và lãi suất ngân hàng xuống nên xin trả lãi là 32.000.000 đồng/tháng, hiện chị Y, anh H đã trả tiền lãi cho bà đến hết tháng 8/2020.

Đến năm 2017, 2018 bà T tiếp tục cho chị Y, anh H vay thêm 530.000.000 đồng và 2000 euro, vay không có kỳ hạn trả, cụ thể vay mỗi lần như sau:

- Ngày 08/9/2017 vay 100.000.000 đồng

- Ngày 18/11/2017 vay 70.000.000 đồng
- Ngày 17/12/2017 vay 80.000.000 đồng
- Ngày 16/3/2018 vay 200.000.000 đồng và 2000 euro
- Ngày 13/5/2018 vay 80.000.000 đồng

Hàng tháng chị Y vẫn trả tiền lãi cho bà T khi nào vay thêm thì lại tính thêm tiền lãi, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất, chị Y chủ động đưa ra mức lãi suất và trả tiền lãi cho bà, đến hết tháng 12/2019 thì không trả nữa, tại thời điểm đó tiền lãi chị Y đang trả cho bà T là 12.400.000 đồng/tháng. Khi trả lãi lúc chị Y gửi bà T mang xuống, lúc thì chị Y mang trực tiếp cho bà T, hoặc con bà T, khi trả tiền vì tin tưởng nên hai bên cũng không ký giấy tờ giao nhận, cho đến mãi sau này có làm sổ thì lúc đó hai bên mới ghi nhưng cũng không đầy đủ.

Từ giữa năm 2019 mặc dù chị Y, anh H vẫn trả đủ tiền lãi cho bà nhưng thấy việc trả lãi không đúng hẹn, ngoài ra do tuổi đã cao bà muốn đòi lại số tiền cho vay nên bà T đã yêu cầu chị Y, anh H trả lại cho bà số tiền trên, chị Y anh H đã hứa hẹn thu xếp trả nhưng thực tế chỉ trả được tiền lãi và đến tháng 8/2020 thì không tiếp tục trả nữa.

Nay do tuổi cao, có nhiều bệnh nên cần chi phí mua thuốc men, vì tin tưởng bà đã cho chị Y, anh H vay toàn bộ tiền tích lũy và giúp đỡ của các con nên khó khăn trong chi phí trị bệnh. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc chị Y, anh H phải trả cho bà T toàn bộ số tiền vay tổng cộng là 2.730.000.000 đồng, 2000 euro và tiền lãi của số tiền vay trên cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp chị Y, anh H không đủ khả năng chi trả số tiền trên đề nghị Tòa án xem xét xử lý tài sản thế chấp là căn hộ tại 120 TT B, phố L, phường Đ, quận H để làm cơ sở cho việc thanh toán nợ cũng như làm tài sản đảm bảo cho việc thi hành án liên quan đến nghĩa vụ trả nợ.

Về số tiền lãi, hiện bà yêu cầu cụ thể như sau: Khoản vay từ năm 2017, 2018 số tiền vay 530.000.000 đồng và 2000 euro, chị Y vẫn trả cho bà tiền lãi là 12.400.000 đồng/tháng tương đương mức lãi suất 25,43 %/năm, đến tháng 12/2019 chị Y không trả nữa thì nay chị Y phải trả số tiền lãi như trên tính tiếp từ tháng 1/2020 cho đến tháng 8/2020 (08 tháng), tiền lãi suất là 12.400.000 đồng/tháng x 8 tháng = 99.200.000 đồng. Khoản vay 2.200.000.000 đồng, chị Y vẫn trả lãi cho bà là 32.000.000 đồng/tháng tương đương mức lãi suất 17,45%/năm, đã trả lãi đến hết tháng 8/2020. Từ tháng 9/2020 tính chung một mức lãi suất là 17,45%/năm đối với cả 2 khoản vay là 2.730.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ gốc, tạm tính đến tháng 11/2021 tiền lãi là 595.413.000 đồng, đối với 2000 euro bà không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn chị Nguyễn Hải Y và anh Nguyễn Mạnh H cùng thống nhất ý kiến trình bày: Do bà T là hàng xóm với mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị T nên vợ chồng chị có hỏi vay tiền của bà T để làm ăn buôn bán từ những năm 2010 cứ vay rồi lại trả. Ngày 12/3/2014 anh chị có viết giấy thỏa thuận vay tiền của bà T với số tiền 2.200.000.000 đồng, thời gian vay là 1 năm, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, anh chị đã đưa bản gốc giấy tờ nhà đất tại 120 TT B, phố L, phường Đ, quận H làm tin. Năm 2017, 2018 chị Y, anh H tiếp tục vay bà T thêm nhiều lần với tổng số tiền 530.000.000 đồng và 2000 euro, vay không có kỳ hạn trả, cụ thể vay mỗi lần như sau:

- Ngày 08/9/2017 vay 100.000.000 đồng
- Ngày 18/11/2017 vay 70.000.000 đồng
- Ngày 17/12/2017 vay 80.000.000 đồng
- Ngày 16/3/2018 vay 200.000.000 đồng và 2000 euro

- Ngày 13/5/2018 vay 80.000.000 đồng

Trong thời gian vay nợ, chị Y, anh H vẫn trả lãi đều cho bà T, số tiền gốc vay 2.200.000.000 đồng ban đầu anh chị trả lãi 35.000.000 đồng/tháng sau đó xin giảm xuống 32.000.000 đồng/tháng và anh chị đã trả lãi cho bà T đến hết tháng 8/2020, số tiền 530.000.000 đồng và 2000 euro thì trả lãi mỗi tháng là 12.400.000 đồng và trả lãi đến hết tháng 12/2019.

Do làm ăn khó khăn nên chị Y, anh H không tiếp tục trả được tiền lãi nữa, khi bà T thư yêu cầu trả nợ gốc, chị Y, anh H đã nhiều lần đến gặp bà T xin phương án trả dần mỗi tháng 15.000.000 đến 20.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý mà yêu cầu trả ngay thì gia đình không thể thu xếp được nên bà đã khởi kiện ra Tòa án. Nay chị Y, anh H cũng xác định khoản nợ vay của bà T như trên và xin bà T và gia đình xem xét giảm tiền lãi cho anh chị. Tại buổi hòa giải ngày 18/10/2021 chị Y, anh H cũng đồng ý yêu cầu trả nợ của bà T và xin thời gian trong tháng 11 gia đình sẽ thu xếp bán nhà để lấy tiền trả nợ cho bà T nhưng sau đó bà T không đồng ý nữa thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Y anh H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 2.730.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến tháng 11/2021 là 694.613.000 đồng và 2000 euro.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:**

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và việc tiến hành thu thập chứng cứ.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tòa án tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng DS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS. Đối với các đương sự vắng mặt đã được tòa án thực hiện thông đạt theo quy định của pháp luật.

- **Về nội dung vụ án:** Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.730.000.000 đồng và 2000 euro. Về tiền lãi, mức lãi suất tính từ tháng 1/2020 đến tháng 8/2020 là vượt quá quy định của pháp luật nên không được chấp nhận và được tính lại theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, đối với thời gian từ tháng 9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp nên được chấp nhận.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo là căn nhà số 120 TT B, phố L, phường Đ, quận H.

Các đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đương sự xuất trình và được thu thập hợp lệ trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại 54 T, phường phố H, quận H, Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Yêu cầu thanh toán tiền nợ vay: Bà Nguyễn Thị Th và vợ chồng chị Nguyễn Hải Y, anh Nguyễn Mạnh H cùng xác nhận sự việc bà T cho vợ chồng chị Y anh H vay 1 khoản tiền được thể hiện qua các giấy thỏa thuận vay tiền mà hai bên đã ký vào các ngày :

Ngày 12/3/2014 vay 2.200.000.000 đồng; ngày 08/9/2017 vay 100.000.000 đồng; ngày 18/11/2017 vay 70.000.000 đồng; ngày 17/12/2017 vay 80.000.000 đồng; ngày 16/3/2018 vay 200.000.000 đồng và 2000 euro; ngày 13/5/2018 vay 80.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.730.000.000 đồng và 2000 euro.

Xét thấy, khi tham gia giao dịch các bên có nhận thức đầy đủ về năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, hình thức nội dung giao dịch phù hợp quy định của pháp luật, do vậy các Giấy nhận nợ có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành với các bên kể từ khi các bên xác lập.

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Y, anh H phải trả lại cho bà T số tiền nợ gốc 2.730.000.000 đồng và 2000 euro, tiền lãi tính đến tháng 11/2021 là 694.613.000 đồng. Về nợ gốc, hai bên đều đã xác nhận số tiền nợ gốc như trên do vậy chị Y, anh H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc như yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi, đối với tiền vay bằng VNĐ, khoản vay 530.000.000 đồng không trả lãi từ tháng 12/2019, bà T yêu cầu chị Y, anh H tiếp tục trả tiền lãi như các bên đã thỏa thuận là 12.400.000 đồng/tháng và tính đến tháng 8/2020 (08 tháng) số tiền lãi là 99.200.000 đồng. Khoản vay 2.200.000.000 không trả lãi từ tháng 8/2020, tính từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2021 chung cho cả số nợ gốc là 2.730.000.000 đồng với mức tiền lãi như các bên đã thỏa thuận là 32.000.000 đồng. Với yêu cầu tiền lãi trên thì mức lãi suất áp dụng trong thời gian 08 tháng đối với số tiền nợ gốc 530.000.000 đồng là 25,43%/năm, mức lãi suất áp dụng từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2021 là 17,45%/năm.

Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, mức lãi suất đề nghị tính lãi cho khoản vay gốc 530.000.000 đồng là vượt quá quy định nên phải điều chỉnh cho phù hợp, về mức lãi suất đề nghị tính chung cho khoản nợ gốc 2.730.000.000 đồng là phù hợp với quy định về thỏa thuận trả lãi của pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy số tiền nợ lãi chị Y, anh H phải trả cho bà T tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là:

$530.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 08 \text{ tháng} = 70.666.666 \text{ đồng}$

$2.730.000.000 \text{ đồng} \times 17,45\%/năm \times 14 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 588.864.792 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi là 659.531.458 đồng

Đối với số tiền vay 2000 euro, xét thấy việc các bên cho nhau vay bằng ngoại tệ là trái với quy định của pháp luật (Pháp lệnh ngoại hối 2013) nên giao dịch là vô hiệu, bên vay phải trả lại bên cho vay số tiền gốc và không được tính lãi, bà T cũng không yêu cầu trả lãi số tiền vay bằng ngoại tệ nên yêu cầu này là phù hợp quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 2.730.000.000 đồng và 2000 euro, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 659.531.458 đồng. Tổng cộng là 3.389.531.458 đồng và 2000 euro

[2.2] Yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét xử lý tài sản thế chấp là căn hộ tại số 120 TT B, phố L, phường Đ, quận H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy khi vay tiền hai bên có thỏa thuận ghi trong giấy vay ngày 21/9/2014, nếu bên vay không trả đúng hạn tiền vay thì bên cho vay sẽ có quyền sở hữu căn hộ thế chấp tại 120 TT B, phố L, phường Đ, quận H. Theo quy định tại điều 119 Bộ luật dân sự, điều 122 Luật nhà ở năm 2014 và Điều 167 Luật đất đai 2013 đối với việc thế chấp tài sản là nhà ở, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì phải thực hiện công chứng chứng thực. Do vậy việc các bên chỉ thỏa thuận thế chấp như trên là không đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thế chấp tài sản nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.389.531.458 đồng và 2000 euro (tạm quy đổi tại thời điểm hiện tại là 55.000.000 đồng), tổng cộng là 3.444.531.458 đồng. Căn cứ theo quy định điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn chị Nguyễn Hải Y và anh Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 100.890.629 đồng

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 144; 147; 244; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 119, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự 2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với chị Nguyễn Hải Y, anh Nguyễn Mạnh H.

- Buộc chị Nguyễn Hải Y và anh Nguyễn Mạnh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm: nợ gốc là 2.730.000.000 đồng, nợ lãi là 659.531.458 đồng và 2000 euro (2000 euro sẽ quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc của các khoản vay trên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của bà Nguyễn Thị T đối với căn nhà có địa chỉ tại 120 tập thể B, phố L, phường Đ, quận H, Hà Nội để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Hải Y và anh Nguyễn Mạnh H.

3 . Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Hải Y và anh Nguyễn Mạnh H phải nộp 100.890.629 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Khuất Thị Phương Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Khuất Thị Phương Lan

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Khuất Thị Phương Lan

